

Số: 1685 /KH-ĐHNLBG-ĐT

Bắc Giang, ngày 26 tháng 12 năm 2019

KẾ HOẠCH
GIẢNG DẠY HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019 - 2020

A - PHÂN BỐ THỜI GIAN CHO HỌC KỲ

- Tổng số tuần: 22 tuần - Bắt đầu học kỳ: 06/01/2020; - Kết thúc học kỳ: 26/6/2020.
- Nghỉ tết Nguyên đán Canh tý: 02 tuần - Từ 20/01/2020 đến 31/01/2020 (từ 26/12 đến 07/01 Âm lịch).
- Nghỉ Giỗ tổ Hùng Vương: 01 ngày - 02/4/2020.
- Nghỉ ngày Thống nhất đất nước: 01 ngày - 30/4/2020.
- Nghỉ ngày Quốc tế lao động: 01 ngày - 01/5/2020.
- Nghỉ hè: 06 tuần - Từ 29/6/2020 đến 07/8/2020.

III. Học kỳ phụ: 06 tuần - Từ 29/6/2020 đến 07/8/2020.

B - KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

I - KHOA KINH TẾ - TÀI CHÍNH

1. Lớp D-KETOAN 6A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1		Thực tập tốt nghiệp:		10		
1.1	KTO2043	Đối với sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp		10	15 tuần	
1.2		Đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp:		10		
-	KTO2048	Chuyên đề tốt nghiệp		6	10 tuần	
-		Học phần tự chọn:		4		
+	KTO2032	Kế toán hợp tác xã	Phạm Thị Thanh Lê	2	23	15
+	KTO2031	Kế toán thương mại dịch vụ	Nguyễn Thị Ung	2	23	15
		Tổng cộng		10	46	30

- Thực tập tốt nghiệp:
- + Khóa luận tốt nghiệp: 15 tuần, từ 09/12/2019 đến 03/4/2020.
- + Chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 09/12/2019 đến 28/02/2020.
- Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận từ 06/4/2020 đến 01/5/2020.
- Đối với Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 02/3/2020 đến 03/4/2020.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 04/5/2020 đến 12/6/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 15/6/2020 đến 10/7/2020.

2. Lớp D-KETOAN 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	KTO2057	Phân tích hoạt động kinh doanh	Hoàng Ninh Chi	3	30	30
2	KTO2054	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	Nguyễn Thị Ứng	3	30	30
3	KTO2050	Thị trường chứng khoán	HD - Ngô Đức Tuấn	3	30	30
4	KTO2019	Kế toán quản trị	Trần Thị Ngọc Ánh	3	30	30
5		Học phần tự chọn:				
-	KTE2036	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Phạm Thị Phương	3	30	30
6	KTO2064	Thực tập nghề nghiệp		6	06 tuần	
		Tổng cộng		21	150	150

- Thực tập nghề nghiệp: 06 tuần, từ 18/5/2020 đến 26/6/2020.

3. Lớp D-KETOAN 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	KTO2056	Tài chính doanh nghiệp	Phạm Thị Thanh Lê	3	30	30
2	KTO2058	Quản trị doanh nghiệp	Phạm Thị Phương	3	30	30
3	KTO2008	Thống kê doanh nghiệp	Hoàng Nguyệt Quyên	3	30	30
4	KTO2051	Thuế	Phạm Thị Phương	3	30	30
5	KTO2053	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	Phạm Thị Dinh	3	30	30
6	KTO2062	Quản trị học	Nguyễn Thị Dung	3	30	30
7	KCB2013	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Hợp đồng	8	04 tuần	
		Tổng cộng		26	180	180

4. Lớp D-KETOAN 9A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	LLC2002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đoàn Thị Hoàng Yến	2	23	15
2		Chọn 1 trong 2 ngoại ngữ sau:				
-	THN2018	Tiếng Anh 2	Ngô Thị Hoàng Anh	4	30	60
-	THN2021	Tiếng Trung 2	Phạm Thanh Hà	4	30	60
3	KCB2003	Toán cao cấp	Mai Thị Thanh Huyền	3	30	30
4	LLC2004	Pháp luật đại cương	Nguyễn Thị Dung	2	23	15
5	KTE2002	Kinh tế vi mô 1	Võ Thị Khánh Linh	3	30	30
6	KTO2002	Nguyên lý kế toán	Phạm Thị Thanh Lê	3	30	30
7	KCB2023	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
8	KCB2013	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Hợp đồng	8	04 tuần	
		Tổng cộng		26	166	210

6. Lớp DVB-KETOAN 7A, 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	KTO2051	Thuế	Phạm Thị Phương	3	30	30
2	KTO2062	Quản trị học	Nguyễn Thị Dung	3	30	30
1	KTE2003	Kinh tế vĩ mô 1	Nông Hữu Tùng	3	30	30
2	KTO2057	Phân tích hoạt động kinh doanh	Hoàng Ninh Chi	3	30	30
Tổng cộng				12	60	60

7. Lớp DLT-KETOAN 7A, DLT-KETOAN 7B, DLT-KETOAN 7C

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	LLC2002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đoàn Thị Hoàng Yến	2	23	15
2	KCB2003	Toán cao cấp	Mai Thị Thanh Huyền	3	30	30
3	KTE2017	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Nông Hữu Tùng	2	23	15
4	KTE2003	Kinh tế vĩ mô 1	Nông Hữu Tùng	3	30	30
5	KTO2020	Phân tích hoạt động kinh doanh	Hoàng Ninh Chi	2	23	15
6	KCB2023	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
7	KCB2024	Giáo dục thể chất 3	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
8	KCB7013	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Hợp đồng	6	02 tuần	
Tổng cộng				20	129	165

8. Lớp DL-KETOAN 7A, DL-KETOAN 8A, DL-KETOAN 8B

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1		Thực tập tốt nghiệp:		6		
-	KTO6046	Chuyên đề tốt nghiệp		2	10 tuần	
-		Học phần tự chọn:		4		
+	KTO2026	Kinh doanh quốc tế	Nguyễn Hải Nam	2	23	15
+	KTO6021	Tổ chức công tác kế toán trong DN	Mai Thị Huyền	2	23	15
Tổng cộng				6	46	30

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 06/01/2020 đến 10/01/2020.
- Thực tập tốt nghiệp và chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 13/01/2020 đến 03/4/2020.
- Học và thi 4 tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 06/4/2020 đến 15/5/2020.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 18/5/2020 đến 12/6/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 15/6/2020 đến 10/7/2020.

9. Lớp DLTV-KETOAN 7C

- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 16/12/2019 đến 17/01/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 03/02/2020 đến 13/3/2020.

10. Lớp D-KINHTE 6A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1		Thực tập tốt nghiệp:		10		
1.1	KTE2032	Đối với sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp		10	15 tuần	
1.2		Đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp:		10		
-	KTE2033	Chuyên đề tốt nghiệp		6	10 tuần	
-		Học phần tự chọn:		4		
+	KTE2020	Kinh tế thương mại dịch vụ	Phan Thị Hà Châm	2	23	15
+	KTE2024	Kinh tế đất	Trần Thị Lý	2	23	15
		Tổng cộng		10	46	30

- Thực tập tốt nghiệp:
- + Khóa luận tốt nghiệp: 15 tuần, từ 09/12/2019 đến 03/4/2020.
- + Chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 09/12/2019 đến 28/02/2020.
- Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận từ 06/4/2020 đến 01/5/2020.
- Đối với Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 02/3/2020 đến 03/4/2020.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 04/5/2020 đến 12/6/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 15/6/2020 đến 10/7/2020.

11. Lớp DLT-KINHTE 9A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	LLC2002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đoàn Thị Hoàng Yến	2	23	15
2	KCB2003	Toán cao cấp	Mai Thị Thanh Huyền	3	30	30
3	KTE2017	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Nông Hữu Tùng	2	23	15
4	KTE2003	Kinh tế vĩ mô 1	Nông Hữu Tùng	3	30	30
5	KTE2005	Toán kinh tế	Võ Thị Khánh Linh	2	23	15
6	KCB2023	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
7	KCB2024	Giáo dục thể chất 3	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
8	KCB7013	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Hợp đồng	6	02 tuần	
		Tổng cộng		20	129	165

12. Lớp DV-KINHTE 6A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1		Thực tập tốt nghiệp:		10		
1.1	KTO2044	Chuyên đề tốt nghiệp		6	10 tuần	
1.2		Học phần tự chọn:		4		
+	KTE2023	Kinh tế đầu tư	Đinh Nho Toàn	2	23	15
+	KTE2024	Kinh tế đất	Trần Thị Lý	2	23	15
		Tổng cộng		10	23	15

Handwritten signature

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 05/8/2019 đến 09/8/2019.
- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề: 10 tuần, từ 12/8/2019 đến 18/10/2019.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 21/10/2019 đến 22/11/2019.
- Xét tốt nghiệp: từ 25/11/2019 đến 27/12/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 30/12/2019 đến 21/02/2020.

13. Lớp DLTV-KINHTE 7A

- Xét tốt nghiệp: từ 25/11/2019 đến 27/12/2019.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 30/12/2019 đến 28/02/2020.

14. Lớp DLTV-KINHTE 7B, DLTV-KINHTE 7C, DLTV-KINHTE 7D

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	KTE2020	Kinh tế thương mại dịch vụ	Phan Thị Hà Châm	2	23	15
2	KTO2060	Lập và quản lý dự án	Mai Thị Huyền	3	30	30
3		Thực tập tốt nghiệp:		6		
3.1	KTO6046	Chuyên đề tốt nghiệp		2	10 tuần	
3.2		Học phần tự chọn:		4		
-	KTE2022	Kinh tế nguồn nhân lực	Phan Thị Hà Châm	2	23	15
-	KTE2027	Kinh tế nông hộ và trang trại	Nguyễn Hải Nam	2	23	15
		Tổng cộng		11	53	45

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 02/3/2020 đến 06/3/2020.
- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề: 10 tuần, từ 09/3/2020 đến 15/5/2020.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 18/5/2020 đến 19/6/2020.
- Xét tốt nghiệp: từ 22/6/2020 đến 31/7/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 03/8/2020 đến 11/9/2020.

II. KHOA NÔNG HỌC

1. Lớp D-KHCT 6A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Trong đó	
				LT	TH
1	KHC2037	Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp	10		
		Tổng cộng	10	0	0

- Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp: 15 tuần, từ 02/12/2019 đến 27/3/2020.

- Bảo vệ khóa luận: từ 30/3/2020 đến 01/5/2020.

- Tổng kết điểm và xét tốt nghiệp: từ 04/5/2020 đến 29/5/2020.

- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 01/6/2020 đến 10/7/2020.

2. Lớp D-KHCT 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	KHC2046	Cây ăn quả	Bùi Thị Thu Trang	5	53	45
2	KHC2048	Cây rau	Hoàng Thị Mai	3	30	30
3	KHC2041	Bảo quản nông sản sau thu hoạch	Nguyễn Thị Thu Phương	2	23	15
4	KHC2052	Hoa, cây cảnh và thiết kế cảnh quan	Nguyễn Thị Ngọc	3	30	30
5		Học phần tự chọn:				
-	KHC2051	Trồng cây dược liệu	Nguyễn Thị Thanh Nguyên	2	23	15
-	CNS2018	Công nghệ nuôi trồng nấm	Nguyễn Thị Thu Phương	2	23	15
6		Thực tập nghề nghiệp 1		3	06 tuần	
		Tổng cộng		20	182	150

3. Lớp D-KHCT 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	KHC2010	Phân bón	HD - Lê Công Hùng	2	23	15
2	CNS2032	Di truyền và chọn tạo giống cây trồng	Hoàng Thị Thao	5	53	45
3	KHC2043	Phương pháp thí nghiệm & Thống kê sinh học	Nguyễn Thị Ngọc	5	53	45
4	CNS2033	Ứng dụng Công nghệ sinh học trong trồng trọt	Chu Thùy Dương	5	53	45
5	KCB2013	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Hợp đồng	8	04 tuần	
		Tổng cộng		25	182	150

4. Lớp DVB-KHCT 9A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	KHC2048	Cây rau	Hoàng Thị Mai	3	30	30
2	KHC2052	Hoa, cây cảnh và thiết kế cảnh quan	Nguyễn Thị Ngọc	3	30	30
3	KHC2045	Cây công nghiệp	HD - Lê Quý Tường	5	53	45
4	KHC2046	Cây ăn quả	Bùi Thị Thu Trang	5	53	45
5	KHC2036	Thực tập nghề nghiệp		4	08 tuần	
Tổng cộng				20	166	150

5. Lớp DLT-KHCT 7A, DLT-KHCT 7B

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	KHC2049	Nông nghiệp hữu cơ	Nguyễn Văn Hoàn	2	23	15
2	KHC2052	Hoa, cây cảnh và thiết kế cảnh quan	Nguyễn Thị Ngọc	3	30	15
3	KHC2041	Bảo quản nông sản sau thu hoạch	Nguyễn Thị Thu Phương	2	23	15
4		Học phần tự chọn:				
-	KHC2023	Sản xuất giống và công nghệ hạt giống	Nguyễn Tuấn Điệp	2	23	15
5	KCB2023	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
6	KCB2024	Giáo dục thể chất 3	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
7	KCB7013	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Hợp đồng	6	02 tuần	
8	KHC7057	Thực tập nghề nghiệp:		7		
-		Khảo nghiệm giống cây trồng	Bùi Thị Thu Trang	1	0	30
-		Kỹ thuật vườn ươm & Nhân giống cây trồng	Bùi Thị Thu Trang	1	0	30
-		Sản xuất rau an toàn	Hoàng Thị Mai	1	0	30
-		Sản xuất chè an toàn	Hoàng Thị Mai	1	0	30
-		Xây dựng cơ cấu cây trồng	Nguyễn Văn Vượng	1	0	30
-		Quản lý dịch hại tổng hợp	Nguyễn Văn Vượng	1	0	30
-		Điều khiển sinh trưởng cây ăn quả	Nguyễn Văn Vượng	1	0	30
Tổng cộng				24	99	330

6. Lớp D-BVTV 6A

STT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1		Thực tập tốt nghiệp:		10		
1.1	BVT2015	Đối với sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp		10	15 tuần	
1.2		Đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp:		10		
-	BVT2016	Chuyên đề tốt nghiệp		6	10 tuần	
-		Học phần tự chọn:		4		
+	KHC2018	Hoa, cây cảnh và thiết kế cảnh quan	Nguyễn Thị Ngọc	2	23	15
+	KHC2041	Bảo quản chế biến nông sản	Nguyễn Thị Thu Phương	2	23	15
		Tổng cộng		10	46	30

- Thực tập tốt nghiệp:
- + Khóa luận tốt nghiệp: 15 tuần, từ 18/11/2019 đến 13/3/2020.
- + Chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 18/11/2019 đến 07/02/2020.
- Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận từ 16/3/2020 đến 01/5/2020.
- Đối với Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 10/02/2020 đến 13/3/2020.
- Tổng kết điểm và xét tốt nghiệp: từ 04/5/2020 đến 29/5/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 01/6/2020 đến 10/7/2020.

7. Lớp DLV-BVTV 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	BVT7026	Thực tập nghề nghiệp		7	10 tuần	
2		Thực tập tốt nghiệp		6		
2.1	BVT7016	Chuyên đề tốt nghiệp		2	10 tuần	
2.2		Học phần tự chọn:		4		
-	KHC2018	Hoa, cây cảnh	Nguyễn Văn Vượng	2	23	15
-	KHC2025	Hệ thống nông nghiệp	Nguyễn Văn Vượng	2	23	15
		Tổng cộng		13	46	30

- Thực tập nghề nghiệp: 10 tuần, từ 06/01/2020 đến 27/3/2020.
- Chăm báo cáo thực tập nghề nghiệp: 01 tuần, từ 30/3/2020 đến 03/4/2020.
- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 06/4/2020 đến 10/4/2020.
- Thực tập tốt nghiệp: 10 tuần, từ 13/4/2020 đến 19/6/2020.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 29/6/2020 đến 31/7/2020.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 03/8/2020 đến 11/9/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 14/9/2020 đến 23/10/2020.



III. KHOA CHĂN NUÔI - THÚ Y

1. Lớp D-CNTY 6A

STT	Mã học phần	Tên học phần		Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
		Thực tập tốt nghiệp:		10		
1	CNU2049	Đối với sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp		10	15 tuần	
2		Đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp:		10		
-	CNU2038	Chuyên đề tốt nghiệp		6	10 tuần	
-		Học phần tự chọn:				
+	CNU2044	Chuồng trại, quản lý chất thải chăn nuôi	Dương Thị Vi	2	23	15
+	THY2005	Bệnh lý học thú y 1	Nguyễn Việt Dũng	2	23	15
		Tổng cộng		10	46	30

- Thực tập tốt nghiệp:

+ Khóa luận tốt nghiệp: 15 tuần, từ 30/12/2019 đến 24/4/2020.

+ Chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 30/12/2019 đến 20/3/2020.

- Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận từ 27/4/2020 đến 29/5/2020.

- Đối với Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 23/3/2020 đến 24/4/2020.

- Tổng kết điểm và xét tốt nghiệp: từ 01/6/2020 đến 19/6/2020.

- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 22/6/2020 đến 10/7/2020.

2. Lớp D-CNTY 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	CNU2009	Chăn nuôi trâu bò	Đặng Hồng Quyên	3	30	30
2	THY2037	Ngoại - sản thú y	Nguyễn Việt Dũng	3	30	30
3	THY2042	Vi sinh vật - Truyền nhiễm thú y	Nguyễn Trọng Kim	4	45	30
4		Học phần tự chọn:				
-	THY2028	Phương pháp tiếp cận khoa học trong chăn nuôi - thú y	HĐ - Nguyễn Quang Tín	2	23	15
5	CNU2034	Rèn nghề cơ sở sản xuất: Công trình chăn nuôi		1.5	03 tuần	
6	CNU2055	Thực tập nghề nghiệp 1		4	08 tuần	
		Tổng cộng		17.5	128	105

- Rèn nghề cơ sở sản xuất: Công trình chăn nuôi: 03 tuần, từ 20/4/2020 đến 08/5/2020.

- Thực tập nghề nghiệp 1: 08 tuần, từ 11/5/2020 đến 03/7/2020.

4. Lớp D-THUY 5A, D-THUY 5B

- Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận, từ 03/02/2020 đến 28/02/2020.

- Đối với Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 06/01/2020 đến 28/02/2020.

- Tổng kết điểm và xét tốt nghiệp: từ 02/3/2020 đến 10/4/2020.

- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: Tháng 5/2020.

5. Lớp D-THUY 6A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	THY2016	Ký sinh trùng thú y	Nguyễn Thị Hương Giang	3	30	30
2	THY2019	Vệ sinh an toàn thực phẩm nguồn gốc động vật	Nguyễn Thị Hương	2	23	15
3		Học phần tự chọn:				
-	CNU2008	Chăn nuôi lợn	Đoàn Văn Soạn	3	30	30
-	CNU2023	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	Nguyễn Thị Thu Huyền	2	23	15
-	CNU2007	Thức ăn chăn nuôi	Nguyễn Thị Hạnh	2	23	15
4	THY2032	Thực tập nghề nghiệp 2		2	08 tuần	
		Tổng cộng		14	129	105

- Thực tập nghề nghiệp 2: 08 tuần, từ 06/01/2020 đến 13/3/2020.

6. Lớp D-THUY 6B

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	THY2016	Ký sinh trùng thú y	Nguyễn Thị Hương Giang	3	30	30
2	THY2019	Vệ sinh an toàn thực phẩm nguồn gốc động vật	Nguyễn Thị Hương	2	23	15
3		Học phần tự chọn:				
-	CNU2008	Chăn nuôi lợn	HD - Ngô Thị Kim Cúc	3	30	30
-	CNU2023	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	Nguyễn Thị Thu Huyền	2	23	15
-	CNU2007	Thức ăn chăn nuôi	Nguyễn Thị Hạnh	2	23	15
4	THY2032	Thực tập nghề nghiệp 2		2	08 tuần	
		Tổng cộng		14	129	105

- Thực tập nghề nghiệp 2: 08 tuần, từ 06/01/2020 đến 13/3/2020.

7. Lớp D-THUY 6C

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	THY2016	Ký sinh trùng thú y	Nguyễn Thị Hương Giang	3	30	30
2	THY2019	Vệ sinh an toàn thực phẩm nguồn gốc động vật	Hồ Thu Hiền	2	23	15
3		Học phần tự chọn:				
-	CNU2008	Chăn nuôi lợn	Đoàn Văn Soạn	3	30	30
-	CNU2023	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	Nguyễn Thị Thu Huyền	2	23	15
-	CNU2007	Thức ăn chăn nuôi	Nguyễn Thị Hạnh	2	23	15
4	THY2032	Thực tập nghề nghiệp 2		2	08 tuần	
		Tổng cộng		14	129	105

- Thực tập nghề nghiệp 2: 08 tuần, từ 06/01/2020 đến 13/3/2020.



8. Lớp D-THUY 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	THY2047	Bệnh lý học thú y	Nguyễn Việt Dũng	4	45	30
2	THY2009	Chẩn đoán bệnh thú y	Trần Thị Tâm	3	30	30
3	THY2010	Bệnh nội khoa thú y	Nguyễn Thị Thanh Hải	3	30	30
4	THY2015	Sinh sản gia súc	Ngô Thành Vinh	3	30	30
5		Học phần tự chọn:				
-	CNU2039	Tập tính và phúc lợi động vật	Nguyễn Văn Lưu	2	23	15
-	THY2022	Ngoại khoa thú y thực hành	HD - Nguyễn Đức Dương	3	30	30
-	CNU2042	Chăn nuôi dê, thỏ	Nguyễn Đình Nguyên	2	23	15
		Tổng cộng		20	211	180

9. Lớp D-THUY 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	THY2044	Dược lý thú y	HD - Nguyễn Đức Dương	4	45	30
2	CNU2006	Chọn và nhân giống vật nuôi	Dương Thị Vi	3	30	30
3	CNU2003	Sinh lý động vật	Nguyễn Thị Chinh	4	45	30
4	CNU2041	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	Nguyễn Thị Xuân Hồng	3	30	30
5	CNU2029	Tổ chức và phối thai động vật	Nguyễn Thị Chinh	3	30	30
6	KCB2013	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Hợp đồng	8	04 tuần	
		Tổng cộng		25	180	150

10. Lớp D-THUY 9A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	LLC2002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đoàn Thị Hoàng Yến	2	23	15
2		Chọn 1 trong 2 ngoại ngữ sau:				
-	THN2018	Tiếng Anh 2	Ngô Thị Hoàng Anh	4	30	60
-	THN2021	Tiếng Trung 2	Phạm Thanh Hà	4	30	60
3	KCB2003	Toán cao cấp	Mai Thị Thanh Huyền	3	30	30
4	LLC2004	Pháp luật đại cương	Nguyễn Thị Dung	2	23	15
5	LLC2005	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Thị Diễm	2	23	15
6	TNM2033	Sinh thái môi trường	Thân Thị Huyền	2	23	0
			Phạm Thị Trang		0	15
7	KCB2023	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
8	KCB2013	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Hợp đồng	8	04 tuần	
		Tổng cộng		24	152	180

11. Lớp DL-THUY 8B, DL-THUY 8D

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1		Học phần tự chọn:				
-	CNU2013	Phương pháp thí nghiệm chăn nuôi	Đỗ Thị Thu Hương	2	23	15
-	CNU2042	Chăn nuôi dê, thỏ	Nguyễn Đình Nguyên	2	23	15
-	CNU2039	Tập tính và phúc lợi động vật	Nguyễn Văn Lưu	2	23	15
2	THY2057	Thực tập nghề nghiệp		4	06 tuần	
3		Thực tập tốt nghiệp		6		
3.1	THY6039	Chuyên đề tốt nghiệp		2	10 tuần	
3.2		Học phần tự chọn:		4		
-	THY2021	Bệnh chó, mèo	Hồ Thu Hiền	2	23	15
-	THY2025	Bệnh thủy sản	Lê Đình Hải	2	23	15
		Tổng cộng		16	115	75

- Thực tập nghề nghiệp: 06 tuần, từ 02/3/2020 đến 10/4/2020.
- Chấm báo cáo thực tập nghề nghiệp: 01 tuần, từ 13/4/2020 đến 17/4/2020.
- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 20/4/2020 đến 24/4/2020.
- Thực tập tốt nghiệp: 10 tuần, từ 27/4/2020 đến 03/7/2020.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 06/7/2020 đến 31/7/2020.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 03/8/2020 đến 11/9/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 14/9/2020 đến 23/10/2020.

12. Lớp DLT-THUY 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1		Học phần tự chọn:				
-	CNU2013	Phương pháp thí nghiệm chăn nuôi	Đỗ Thị Thu Hương	2	23	15
-	CNU2042	Chăn nuôi dê, thỏ	Nguyễn Đình Nguyên	2	23	15
-	CNU2039	Tập tính và phúc lợi động vật	Nguyễn Văn Lưu	2	23	15
2	LLC2002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đoàn Thị Hoàng Yến	2	23	15
3	LLC2003	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	Phạm Thị Hằng	3	30	30
4	KCB2003	Toán cao cấp	Diêm Đăng Huân	3	30	30
5	THY2045	Miễn dịch học thú y	HD - Đặng Vũ Hoàng	3	30	30
6	KCB2023	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
7	KCB2024	Giáo dục thể chất 3	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
8	KCB7013	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Hợp đồng	6	02 tuần	
		Tổng cộng		25	182	210



13. Lớp DL-THUY 7A, DL-THUY 8A, DL-THUY 8C

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	THY2052	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	Nguyễn Trọng Kim	3	30	30
2	THY2038	Bệnh ký sinh trùng thú y	Nguyễn Thị Hương Giang	2	23	15
3	CNU6010	Chăn nuôi gia cầm	Đoàn Phương Thúy	2	23	15
4	THY2057	Thực tập nghề nghiệp		4	06 tuần	
5		Thực tập tốt nghiệp		6		
5.1	THY6039	Chuyên đề tốt nghiệp		2	10 tuần	
5.2		Học phần tự chọn:		4		
-	THY2021	Bệnh chó, mèo	Hồ Thu Hiền	2	23	15
-	CNU2007	Thức ăn chăn nuôi	Nguyễn Thị Hạnh	2	23	15
		Tổng cộng		17	76	60

- Thực tập nghề nghiệp: 06 tuần, từ 02/3/2020 đến 10/4/2020.
- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 01/6/2020 đến 05/6/2020.
- Thực tập tốt nghiệp: 10 tuần, từ 08/6/2020 đến 14/8/2020.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 17/8/2020 đến 18/9/2020.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 21/9/2020 đến 30/10/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 11/2020.

14. Lớp DLT-THUY 7A, DLT-THUY 7E, DLT-THUY 8B

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	THY2052	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	Nguyễn Trọng Kim	3	30	30
2	THY2038	Bệnh ký sinh trùng thú y	Nguyễn Thị Hương Giang	2	23	15
3	CNU6010	Chăn nuôi gia cầm	Đoàn Phương Thúy	2	23	15
4	KCB2023	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
5	KCB2024	Giáo dục thể chất 3	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
6	THY2057	Thực tập nghề nghiệp		4	06 tuần	
7	KCB7013	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Hợp đồng	6	02 tuần	
		Tổng cộng		19	76	120

- Thực tập nghề nghiệp: 06 tuần, từ 01/6/2020 đến 10/7/2020.

15. Lớp DLT-THUY 7B, DLT-THUY 7C, DLT-THUY 7D

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	CNU6009	Chăn nuôi trâu bò	Nguyễn Văn Lưu	2	23	15
2	THY2052	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	Nguyễn Trọng Kim	3	30	30
3	KCB2023	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
4	KCB2024	Giáo dục thể chất 3	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
5	KCB7013	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Hợp đồng	6	02 tuần	
6	THY2056	Thực tập nghề nghiệp		4	06 tuần	
7		Thực tập tốt nghiệp		10		
7.1	THY2039	Chuyên đề tốt nghiệp		6	10 tuần	
7.2		Học phần tự chọn:		4		
-	THY2023	Bào chế và kiểm nghiệm thuốc thú y	Vũ Thị Hoài Thu	2	23	15
-	CNU2007	Thức ăn chăn nuôi	Nguyễn Thị Hạnh	2	23	15
		Tổng cộng		27	53	105

- Thực tập nghề nghiệp: 06 tuần, từ 20/4/2020 đến 29/5/2020.
- Chăm báo cáo Thực tập nghề nghiệp: 01 tuần, từ 01/6/2020 đến 05/6/2020.
- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 08/6/2020 đến 12/6/2020.
- Thực tập tốt nghiệp: 10 tuần, từ 15/6/2020 đến 21/8/2020.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 24/8/2020 đến 02/10/2020.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 05/10/2020 đến 13/11/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 16/11/2020 đến 25/12/2020.

16. Lớp DLTV-THUY 7B

- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 13/01/2020 đến 28/02/2020.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 02/3/2020 đến 27/3/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 4/2020.

17. Lớp DLTV-THUY 7C, DLTV-THUY 7D

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1		Thực tập tốt nghiệp		6		
1.1	THY6039	<i>Chuyên đề tốt nghiệp</i>		2	10 tuần	
1.2		<i>Học phần tự chọn:</i>		4		
-	CNU2007	Thức ăn chăn nuôi	Nguyễn Thị Hạnh	2	23	15
-	THY2025	Bệnh thủy sản	Lê Đình Hải	2	23	15
		Tổng cộng		6	46	30

- Chăm báo cáo thực tập nghề nghiệp: 01 tuần, từ 03/02/2020 đến 07/02/2020.
- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 10/02/2020 đến 14/02/2020.
- Thực tập tốt nghiệp: 10 tuần, từ 17/02/2020 đến 24/4/2020.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 27/4/2020 đến 05/6/2020.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 08/6/2020 đến 17/7/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 20/7/2020 đến 28/8/2020.

18. Lớp DLV-THUY 9A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	CNU6006	Chọn và nhân giống vật nuôi	Đoàn Văn Soạn	2	23	15
2	CNU6008	Chăn nuôi lợn	Đoàn Văn Soạn	2	23	15
3	CNU2031	Tổ chức và phối thai động vật	Nguyễn Văn Lưu	3	30	30
4	CNU6009	Chăn nuôi trâu bò	Nguyễn Văn Lưu	2	23	15
5	THY2006	Bệnh lý học thú y 2	Nguyễn Thị Thanh Hải	2	23	15
6	THY6012	Bệnh truyền nhiễm thú y	Nguyễn Thị Thanh Hải	2	23	15
6	THY2052	Bệnh truyền lây giữa động vật và người	HD - Nguyễn Cảnh Dũng	2	23	15
7	THY2019	Vệ sinh an toàn thực phẩm nguồn gốc động vật	HD - Đặng Thị Diệu	2	23	15
8		<i>Học phần tự chọn:</i>				
-	THY2025	Bệnh thủy sản	Lê Đình Hải	2	23	15
-	CNU2007	Thức ăn chăn nuôi	Nguyễn Thị Hạnh	2	23	15
		Tổng cộng		21	237	165

Handwritten signature

19. Lớp C-THUY 18A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	THY1032	Thực tập nghề nghiệp 2		2	04 tuần	
2		Thực tập tốt nghiệp:		6		
2.1	THY1033	Chuyên đề tốt nghiệp		2	10 tuần	
2.2		Học phần tự chọn:		4		
-	CNU1011	Chăn nuôi dê, thỏ	Nguyễn Đình Nguyên	2	23	15
-	CNU1022	Chăn nuôi ong	Nguyễn Thị Thu Huyền	2	23	15
		Tổng cộng		8	46	30

- Thực tập nghề nghiệp 2: 04 tuần, từ 17/02/2020 đến 13/3/2020.
- Chăm sóc thực tập nghề nghiệp: 01 tuần, từ 16/3/2020 đến 20/3/2020.
- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 23/3/2020 đến 27/3/2020.
- Thực tập tốt nghiệp: 10 tuần, từ 30/3/2020 đến 05/6/2020.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 08/6/2020 đến 03/7/2020.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 06/7/2020 đến 10/7/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 13/7/2020 đến 31/7/2020.

20. Lớp C-THUY 19A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	THY1044	Dược lý thú y	HĐ - Nguyễn Đức Dương	3	30	30
2	THY1005	Bệnh lý học thú y 1	Nguyễn Việt Dũng	2	23	15
3	THY1009	Chẩn đoán bệnh thú y	Trần Thị Tâm	3	30	30
4	THY1010	Bệnh nội khoa thú y	Nguyễn Thị Thanh Hải	3	30	30
5	THY1015	Sinh sản gia súc	Ngô Thành Vinh	3	30	30
6		Học phần tự chọn:				
-	CNU2006	Chọn và nhân giống vật nuôi	Dương Thị Vi	3	30	30
7	KCB1013	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Hợp đồng	8	04 tuần	
		Tổng cộng		25	173	165

Handwritten signature

IV. KHOA TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

1. Lớp D-QLĐĐ 6A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Trong đó	
				LT	TH
		Thực tập tốt nghiệp:	10		
1	QLD2036	Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề tốt nghiệp	6	15 tuần	
2		Học phần tự chọn:	4		
-	QLD2031	Xây dựng bản đồ đất	2	23	0
		Nguyễn Bình Như		0	15
-	KTE2024	Kinh tế đất	2	23	15
		Đỗ Thị Lan Anh			
		Trần Thị Lý			
		Tổng cộng	10	46	30

- Thực tập tốt nghiệp:
- + Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề tốt nghiệp: 15 tuần, từ 09/12/2019 đến 03/4/2020.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 06/4/2020 đến 01/5/2020.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 04/5/2020 đến 12/6/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 15/6/2020 đến 10/7/2020.

2. Lớp D-QLĐĐ 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	QLD2024	Giao đất, thu hồi đất	Lê Thị Hương Thúy	3	30	30
2	QLD2044	Giám sát quản lý và sử dụng đất	Trần Văn Hải	3	38	15
3		Học phần tự chọn:				
-	QLD2031	Xây dựng bản đồ đất	Nguyễn Bình Như	2	23	0
		Đỗ Thị Lan Anh			0	15
4		Thực tập nghề nghiệp:		10	15 tuần	
4.1	QLD2049	Chuyên đề đăng ký đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		5		
4.2	QLD2052	Chuyên đề trắc địa - bản đồ		5		
		Tổng cộng		18	91	60

- Thực tập nghề nghiệp: 15 tuần, từ 23/3/2020 đến 03/7/2020.

4. Lớp DVB-QLĐĐ 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1		Thực tập tốt nghiệp:		6		
1.1	QLD6036	Chuyên đề tốt nghiệp		2	10 tuần	
1.2		Học phần tự chọn:		4		
-	TNM2040	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Khuong Mạnh Hà	2	23	15
-	QLD2031	Xây dựng bản đồ đất	Đỗ Thị Lan Anh	2	23	15
		Tổng cộng		6	46	30

- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 15/10/2019 đến 23/12/2019.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 30/12/2019 đến 14/02/2020.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 17/02/2020 đến 27/3/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 4/2020.

5. Lớp DVB-QLĐĐ 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1		Thực tập tốt nghiệp:		6		
1.1	QLD6036	Chuyên đề tốt nghiệp		2	10 tuần	
1.2		Học phần tự chọn:		4		
-	TNM2040	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Khương Mạnh Hà	2	23	15
-	QLD2031	Xây dựng bản đồ đất	Đỗ Thị Lan Anh	2	23	15
		Tổng cộng		6	46	30

- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 06/4/2020 đến 12/6/2020.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 15/6/2020 đến 31/7/2020.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: tháng 8/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 9/2020.

6. Lớp DVB-QLĐĐ 8B, DVB-QLĐĐ 9A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	QLD2036	Luật và chính sách đất đai	Lê Thị Hương Thúy	4	45	30
2	TNM2024	Đánh giá tác động môi trường	Phan Lê Na	2	23	15
3	QLD2018	Đăng ký và thống kê đất đai	Trần Thị Hiền	4	38	45
4	QLD2039	Quy hoạch sử dụng đất	Khương Mạnh Hà	4	45	30
5	KCB2007	Hóa học đại cương	Nguyễn Thị Hoài Trang	2	23	15
6	QLD2041	Hệ thống thông tin địa lý và hệ thống thông tin đất đai	Nguyễn Văn Bài	4	23	75
		Tổng cộng		20	197	210

8. Lớp DLT-QLĐĐ 7C

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	QLD6036	Luật và chính sách đất đai	Lê Thị Hương Thúy	2	23	15
2	TNM2024	Đánh giá tác động môi trường	Phan Lê Na	2	23	15
3	QLD7018	Đăng ký thống kê đất đai	Trần Thị Hiền	2	23	15
4	QLD6039	Quy hoạch sử dụng đất	Khương Mạnh Hà	2	23	15
5	KCB2007	Hóa học đại cương	Nguyễn Thị Hoài Trang	2	23	15
6	QLD2041	Hệ thống thông tin địa lý và hệ thống thông tin đất đai	Nguyễn Văn Bài	4	23	75
		Tổng cộng		14	138	150

Handwritten signature

9. Lớp DL-QLĐĐ 8C

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	QLD6036	Luật và chính sách đất đai	Lê Thị Hương Thúy	2	23	15
2	TNM2024	Đánh giá tác động môi trường	Phan Lê Na	2	23	15
3	QLD6018	Đăng ký thống kê đất đai	Trần Thị Hiền	2	23	15
4	QLD6039	Quy hoạch sử dụng đất	Khương Mạnh Hà	2	23	15
5	QLD2041	Hệ thống thông tin địa lý và hệ thống thông tin đất đai	Nguyễn Văn Bài	4	23	75
Tổng cộng				12	115	135

10. Lớp DL-QLĐĐ 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	LLC2005	Tâm lý học đại cương	Đặng Xuân Anh	2	23	15
2	KCB2003	Toán cao cấp	Mai Thị Thanh Huyền	3	30	30
3		Học phần tự chọn:				
-	TNM2004	Môi trường và con người	Nguyễn Tuấn Cường	2	23	0
			Phạm Thị Trang		0	15
4		Thực tập tốt nghiệp:		6		
4.1	QLD6036	Chuyên đề tốt nghiệp		2	10 tuần	
4.2		Học phần tự chọn:		4		
-	QLD2031	Xây dựng bản đồ đất	Nguyễn Bình Như	2	23	0
			Đỗ Thị Lan Anh		0	15
-	TNM2040	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Khương Mạnh Hà	2	23	15
Tổng cộng				13	76	60

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 30/3/2020 đến 03/4/2020.
- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 06/4/2020 đến 12/6/2020.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 15/6/2020 đến 24/7/2020.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 27/7/2020 đến 04/9/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 10/2020.



11. Lớp DL-QLĐĐ 8B, DL-QLĐĐ 8D

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	LLC2005	Tâm lý học đại cương	Đặng Xuân Anh	2	23	15
2	KCB2003	Toán cao cấp	Mai Thị Thanh Huyền	3	30	30
3		Học phần tự chọn:				
-	TNM2004	Môi trường và con người	Nguyễn Tuấn Cường Phạm Thị Trang	2	23 0	0 15
4	TNM2032	Phương pháp tiếp cận khoa học trong quản lý TN & MT	Nguyễn Tuấn Điệp	2	23	15
5	QLD2035	Đánh giá đất	Trần Văn Hải	3	38	15
6	TNM2024	Đánh giá tác động môi trường	Phan Lê Na	2	23	15
7		Thực tập tốt nghiệp:		6		
7.1	QLD6036	Chuyên đề tốt nghiệp		2	10 tuần	
7.2		Học phần tự chọn:		4		
-	QLD2031	Xây dựng bản đồ đất	Nguyễn Bình Nhự Đỗ Thị Lan Anh	2	23 0	0 15
-	TNM2040	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Khuong Mạnh Hà	2	23	15
		Tổng cộng		20	160	105

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 01/6/2020 đến 05/6/2020.
- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 08/6/2020 đến 14/8/2020.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 17/8/2020 đến 25/9/2020.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 28/9/2020 đến 09/10/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 10/2020.

12. Lớp DVB-QLĐĐ 8C, DVB-QLĐĐ 8D

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	TNM2032	Phương pháp tiếp cận khoa học trong quản lý TN & MT	Nguyễn Tuấn Điệp	2	23	15
2	QLD2035	Đánh giá đất	Trần Văn Hải	3	38	15
3		Học phần tự chọn:				
-	TNM2024	Đánh giá tác động môi trường	Phan Lê Na	2	23	15
		Tổng cộng		7	84	45

13. Lớp DLTV-QLĐĐ 7A, DLTV-QLĐĐ 7B

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	QLD2034	Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề		6	10 tuần	
		Tổng cộng		6		

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 30/12/2019 đến 03/01/2020.
- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề: 10 tuần, từ 06/01/2020 đến 27/3/2020.
- Xét tốt nghiệp: tháng 4/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 5/2020.

14. Lớp DLTV-QLĐĐ 7C, DLTV-QLĐĐ 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	QLD6004	Trắc địa cơ sở 2	Nghiêm Thị Hoài	3	30	30
2	QLD2042	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Trần Thị Hiền	3	30	30
3		Học phần tự chọn:				
-	QLD2027	Hệ thống định vị toàn cầu	Nghiêm Thị Hoài	2	15	30
-	QLD2026	Trắc địa địa chính	Đỗ Thị Lan Anh	2	15	30
-	QLD2029	Quy hoạch cảnh quan	Trần Thị Hiền	2	23	15
-	TNM2004	Môi trường và con người	Bùi Thị Thanh Hà	2	23	15
-	TNM2040	Quản lý tài nguyên thiên nhiên	Bùi Thị Thanh Hà	2	23	15
4		Thực tập nghề nghiệp		4	06 tuần	
		Tổng cộng		20	159	165

15. Lớp DVBV-QLĐĐ 7B, DVBV-QLĐĐ 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	QLD2004	Trắc địa cơ sở 2	Nghiêm Thị Hoài	4	30	60
2	QLD2042	Quy hoạch đô thị và nông thôn	Trần Thị Hiền	3	30	30
3	QLD2043	Hệ thống định vị toàn cầu	Nghiêm Thị Hoài	3	15	60
4	QLD2037	Bản đồ địa chính	Đỗ Thị Lan Anh	3	38	15
5	QLD2040	Kinh tế - tài chính đất đai	Trần Thị Lý	4	45	30
6	QLD2045	Thực hành trắc địa địa chính	Đỗ Thị Lan Anh	4	0	120
		Tổng cộng		21	158	315

16. Lớp D-QLTN 6A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Trong đó	
				LT	TH
1	TNM2037	Thực tập tốt nghiệp và làm Khóa luận tốt nghiệp	10	15 tuần	
		Tổng cộng	10	0	0

- Thực tập tốt nghiệp và làm Khóa luận tốt nghiệp: 15 tuần, từ 09/12/2019 đến 03/4/2020.
- Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp: từ 06/4/2020 đến 01/5/2020.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 04/5/2020 đến 12/6/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 15/6/2020 đến 10/7/2020.

17. Lớp D-QLTN 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	TNM2049	Sản xuất sạch hơn	Đinh Thị Thu Trang	3	30	30
2	TNM2018	Kiểm soát ô nhiễm không khí	Đinh Thị Thu Trang	3	38	15
3	TNM2044	Quản lý tổng hợp tài nguyên	Thân Thị Huyền	4	45	0
			Phạm Thị Trang		0	30
4	TNM2048	Đánh giá tác động và rủi ro môi trường	Phan Lê Na	3	30	45
5	TNM2042	Độc học và môi trường	Phan Lê Na	4	45	0
			Đặng Thu Huyền		0	30
6	KTE2036	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Phạm Thị Phụng	3	38	15
Tổng cộng				20	226	165

18. Lớp D-QLTN 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	TNM2042	Độc học và môi trường	Phan Lê Na	4	45	0
			Đặng Thu Huyền		0	30
2	TNM2041	Ô nhiễm môi trường	Phan Lê Na	4	45	30
3	TNM2027	Công nghệ môi trường	HĐ - Nguyễn Thành Đồng	4	45	30
4	TNM2017	Quản lý môi trường	Đinh Thị Thu Trang	3	38	15
5	KTE2036	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Phạm Thị Phụng	3	38	15
6	KCB2013	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Hợp đồng	8	04 tuần	
Tổng cộng				26	211	120

19. Lớp DV-QLTN 2A

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 23/12/2019 đến 27/12/2019.
- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề: 10 tuần, từ 31/12/2019 đến 20/3/2020
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: tháng 4/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 5/2020.



VI. KHOA CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

1. Lớp D-CNTP 6A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Trong đó	
				LT	TH
		Thực tập tốt nghiệp:	10		
1	CNT2045	Đối với sinh viên làm Khóa luận tốt nghiệp	10	15 tuần	
2		Đối với sinh viên không làm Khóa luận tốt nghiệp:	10		
2.1	CNT2046	Chuyên đề tốt nghiệp	6	10 tuần	
2.2		Học phần tự chọn:			
-	CNT2032	Công nghệ bảo quản và chế biến thủy hải sản	2	23	15
-	CNT2028	Công nghệ sản xuất bánh kẹo	2	23	15
		Tổng cộng	10	46	30

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 16/12/2019 đến 20/12/2019.
- Thực tập tốt nghiệp:
 - + Khóa luận tốt nghiệp: 15 tuần, từ 23/12/2019 đến 17/4/2020.
 - + Chuyên đề tốt nghiệp: 10 tuần, từ 23/12/2019 đến 13/3/2020.
 - Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận từ 20/4/2020 đến 15/5/2020.
 - Đối với Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 28/10/2019 đến 13/12/2019.
 - Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 18/5/2020 đến 05/6/2020.
 - Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 08/6/2020 đến 10/7/2020.

2. Lớp D-CNTP 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	CNT2038	Công nghệ sau thu hoạch	Vũ Kiều Sâm	3	30	30
2	CNT2048	Công nghệ sinh học thực phẩm	Nguyễn Văn Lục	3	30	30
3	CNT2049	Kỹ thuật xử lý môi trường trong Công nghiệp thực phẩm	Nguyễn Công Thành	2	23	15
4		Học phần tự chọn:				
-	CNT2052	Công nghệ sản xuất đường, bánh, kẹo	Nguyễn Đà Giang	3	30	30
-	CNT2055	Công nghệ sản xuất nước chấm, gia vị	Đào Thị Vân Anh	3	30	30
5	CNT2063	Thực tập nghề nghiệp 2		4	06 tuần	
		Tổng cộng		18	143	135

- Thực tập nghề nghiệp 2: 06 tuần, từ 18/5/2020 đến 26/06/2020. 

3. Lớp D-CNTP 8A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	CNT2005	Các quá trình - thiết bị trong công nghệ thực phẩm 1	Nguyễn Văn Quang	5	53	45
2	CNT2001	Nhiệt kỹ thuật	Nguyễn Đà Giang	2	23	15
3	CNT2049	Kỹ thuật xử lý môi trường trong Công nghiệp thực phẩm	Nguyễn Công Thành	2	23	15
4	CNT2011	Vật lý học thực phẩm	Nguyễn Đà Giang	2	23	15
5	KCB2017	Hóa lý	Ngô Thị Tuyết	2	23	15
6	CNT2042	Phương pháp tiếp cận khoa học trong Công nghệ thực phẩm	Ngô Anh Sơn	2	23	15
7	KCB2013	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Hợp đồng	8	04 tuần	
		Tổng cộng		23	168	120

4. Lớp D-CNTP 9A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	LLC2002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Đoàn Thị Hoàng Yến	2	23	15
2		Chọn 1 trong 2 ngoại ngữ sau:				
-	THN2018	Tiếng Anh 2	Ngô Thị Hoàng Anh	4	30	60
-	THN2021	Tiếng Trung 2	Phạm Thanh Hà	4	30	60
3	KCB2003	Toán cao cấp	Mai Thị Thanh Huyền	3	30	30
4	LLC2004	Pháp luật đại cương	Nguyễn Thị Dung	2	23	15
5	LLC2005	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Thị Diễm	2	23	15
6	KCB2005	Vật lý đại cương	Nguyễn Thị Mỹ Diên	3	38	15
7	KCB2023	Giáo dục thể chất 2	Nguyễn Văn Tuấn	1	0	30
8	KCB2013	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Hợp đồng	8	04 tuần	
		Tổng cộng		25	167	180

5. Lớp DVB-CNTP 7A

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1		Thực tập tốt nghiệp:		6		
1.1	CNT6046	Chuyên đề tốt nghiệp		2	10 tuần	
1.2		Học phần tự chọn:		4		
-	CNT2056	Công nghệ chế biến rau quả	Vũ Kiều Sâm	2	23	15
-	CNT2031	Công nghệ sản xuất và chế biến dầu thực vật	Nguyễn Thị Thanh Huyền	2	23	15
		Tổng cộng		6	46	30

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 06/01/2020 đến 10/01/2020.
- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề: 10 tuần, từ 13/01/2020 đến 03/4/2020.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 06/4/2020 đến 15/5/2020.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 18/5/2020 đến 26/6/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 29/6/2020 đến 07/8/2020.

6. Lớp DL-CNTP 7A, DL-CNTP 8A

- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 02/02/2020 đến 28/02/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: tháng 3/2020.

7. Lớp DL-CNTP 8B

- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 06/01/2020 đến 10/01/2020.
- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề: 10 tuần, từ 13/01/2020 đến 03/4/2020.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 06/4/2020 đến 15/5/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 18/5/2020 đến 26/6/2020.

8. Lớp DL-CNTP 8C

STT	Mã học phần	Tên học phần	Giảng viên	Số tín chỉ	Trong đó	
					LT	TH
1	CNT2060	Quản lý chuỗi cung ứng và truy nguyên nguồn gốc thực phẩm	Phạm Thị Bình	3	30	30
2		Học phần tự chọn:				
-	CNT2052	Công nghệ sản xuất đường, bánh, kẹo	HD - Nguyễn Thị Hoài Tâm	3	30	30
3	CNT2044	Thực tập kỹ thuật		3	05 tuần	
4		Thực tập tốt nghiệp		6		
4.1	CNT6046	Chuyên đề tốt nghiệp		2	10 tuần	
4.2		Học phần tự chọn:		4		
-	CNT2031	Công nghệ sản xuất và chế biến dầu thực vật	HD - Châu Thành Hiền	2	23	15
-	CNT2019	Công nghệ chế biến lương thực	Phạm Thị Bình	2	23	15
		Tổng cộng		12	76	60

- Thực tập kỹ thuật: 05 tuần, từ 02/3/2020 đến 03/4/2020.
- Chấm báo cáo Thực tập kỹ thuật: 01 tuần, từ 06/4/2020 đến 10/4/2020.
- Tổng kết điểm, xét điều kiện Thực tập tốt nghiệp: 01 tuần, từ 13/4/2020 đến 17/4/2020.
- Thực tập tốt nghiệp và làm chuyên đề: 10 tuần, từ 20/4/2020 đến 26/6/2020.
- Học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 29/6/2020 đến 07/8/2020.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 10/8/2020 đến 18/9/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 21/9/2020 đến 30/10/2020.

VII. KHOA LÂM NGHIỆP

1. Lớp D-QLTNR 6A

- Đối với Sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp, bảo vệ khóa luận từ 06/01/2020 đến 28/02/2020.
- Đối với Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp, học và thi 4 Tín chỉ của các học phần chuyên ngành tự chọn, từ 16/12/2019 đến 17/01/2020.
- Tổng kết điểm, xét tốt nghiệp: từ 02/3/2020 đến 10/4/2020.
- Bế giảng và phát bằng tốt nghiệp: từ 13/4/2020 đến 29/5/2020.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu, CT HĐT (để báo cáo);
- Các Khoa, Phòng, Trung tâm;
- Trường THPT Thân Nhân Trung;
- Lưu VT, ĐT.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Tuấn Điệp

KHOA LÂM NGHIỆP